

Số: 820 /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán Dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp
bền vững (VnSAT)” tỉnh Sóc Trăng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của
Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư
công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ
Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Tên dự án: Dự án “Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững (VnSAT)” tỉnh Sóc Trăng.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng.
- Địa điểm xây dựng: 30 xã thuộc 06 huyện Kế Sách, Long Phú, Mỹ Tú, Châu Thành, Thạnh Trị và Mỹ Xuyên; hộ tham gia dự án 29.000 hộ với 43.000 ha.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ năm 2015 đến năm 2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư.

- Chi phí đầu tư:

Nội dung	Tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối (đồng)	Giá trị quyết toán được phê duyệt (đồng)
Tổng số	331.591.000.000	264.180.656.031
I. Chi phí đầu tư	267.512.000.000	249.496.752.788
Công trình xây lắp	208.831.000.000	197.516.216.912
Chi phí hoạt động	1.275.000.000	1.175.389.900
Hàng hóa và thiết bị	12.861.000.000	10.831.694.000
Đào tạo và Hội thảo	3.823.000.000	2.548.487.190
Hội thảo đầu bờ	27.098.000.000	27.082.606.400
Điểm trình diễn	9.002.000.000	6.446.040.586
Vốn đối ứng	750.000.000	25.847.800
Dịch vụ tư vấn	3.872.000.000	3.870.470.000
II. Hoạt động thường xuyên	21.307.000.000	14.683.903.243
III. Dự phòng	42.772.000.000	-

2. Nguồn vốn đầu tư:

Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư của dự án hoặc dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần cuối (đồng)	Thực hiện (đồng)			
		Giá trị quyết toán được duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5=3-4	6=4-3
Tổng cộng	331.591.000.000	264.180.656.031	264.180.656.031	-	-
Vốn nước ngoài (Vốn IDA)	199.065.000.000	197.723.914.907	197.723.914.907	-	-
Vốn ngân sách tỉnh	86.965.000.000	66.456.741.124	66.456.741.124	-	-
- Vốn Đầu tư	86.965.000.000	56.980.218.807	56.980.218.807	-	-
- Vốn Sự nghiệp		9.476.522.317	9.476.522.317	-	-
Vốn tư nhân	45.561.000.000	-	-	-	-



3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý (đồng)		Giao cho đơn vị khác quản lý (đồng)	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	-	-	205.211.797.912	-
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	-	-	204.136.388.912	-
Tài sản ngắn hạn	-	-	1.075.409.000	

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

STT	Nội dung	Chi phí không hình thành tài sản (đồng)
	Tổng số	58.968.858.119
1	Chi phí hoạt động	1.175.389.900
2	Hàng hóa và thiết bị ((Gói thầu Tài liệu truyền thông -HH23, Gói thầu SP truyền thông, tuyên truyền quảng bá hoạt động của DA VnSAT trên Đài VTV9...))	3.136.113.000
3	Đào tạo và Hội thảo	2.548.487.190
4	Hội thảo đầu bờ	27.082.606.400
5	Điểm trình diễn	6.446.040.586
6	Vốn đối ứng	25.847.800
7	Dịch vụ tư vấn	3.870.470.000
8	Hoạt động tăng thêm	6.446.312.295
9	Lương cán bộ nhân viên Chính phủ	8.237.590.948

Điều 3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài chính, Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan:

1. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài chính: Thực hiện lưu trữ thông tin, tài liệu, hồ sơ có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành chặt chẽ, đầy đủ và đúng quy định pháp luật; chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực toàn bộ hồ sơ, số liệu trình phê duyệt quyết toán.

2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán chi phí và nguồn vốn đầu tư là:

STT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	Tổng số	264.180.656.031	
1	Vốn nước ngoài(Vốn IDA)	197.723.914.907	
2	Vốn ngân sách tỉnh	66.456.741.124	
-	Vốn Đầu tư	56.980.218.807	
-	Vốn Sự nghiệp	9.476.522.317	
3	Vốn tư nhân	-	

b) Tổng các khoản công nợ theo báo cáo quyết toán của chủ đầu tư và bảng đối chiếu số liệu cấp phát thanh toán là:

- Tổng nợ phải trả (các khoản Chủ đầu tư phải thanh toán tiếp tục): **0 đồng.**
- Tổng nợ phải thu (các khoản Chủ đầu tư phải thu hồi): **0 đồng.**

3. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:

Được phép ghi tăng tài sản:

Số TT	Tên công trình	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định (đồng)	Tài sản ngắn hạn (đồng)
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Nông nghiệp Tín Phát, xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	5.539.442.603	
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Nông sản Mỹ Hương 1, xã Mỹ Hương, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	9.936.310.644	
3	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Nông nghiệp Phước An, xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	9.418.255.023	
4	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Nông nghiệp Kiệt Lập B, xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	9.268.939.822	
5	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Nông nghiệp Đoàn Kết xã Lâm Kiệt, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	8.502.881.244	
6	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Nông nghiệp Thọ Hòa Đông A, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	7.944.626.265	
7	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Nông nghiệp Hưng Lợi, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	8.650.688.107	
8	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Nông nghiệp 2/9, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	7.145.605.357	
9	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Nông nghiệp Thạnh Trị, xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	7.705.926.776	
10	Đầu tư cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tân Tiến, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	7.814.192.404	



Số TT	Tên công trình	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định (đồng)	Tài sản ngắn hạn (đồng)
11	Đầu tư Cơ sở hạ tầng cho Hợp tác xã Dịch vụ và Sản xuất Lúa Đại Thắng, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	6.556.196.798	
12	Tiểu dự án 1: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển sản xuất lúa trên địa bàn xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	14.702.484.000	
13	Tiểu dự án 2: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	9.695.357.000	
14	Tiểu dự án 3: Đầu tư công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	13.762.495.000	
15	Tiểu dự án 4: Nâng cấp công trình giao thông tuyến Trà Bết - SoLa 1 phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	14.184.393.000	
16	Tiểu dự án 5: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng	8.913.460.000	
17	Tiểu dự án 6: Đầu tư công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	6.012.690.000	
18	Tiểu dự án 7: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	5.720.873.000	
19	Tiểu dự án 8: Nâng cấp công trình giao thông tuyến Tắc Gòong - SoLa 2 phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	8.001.005.000	
20	Tiểu dự án 9: Đầu tư công trình giao thông và thủy lợi phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	5.731.420.000	

Số TT	Tên công trình	Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
21	Tiểu dự án 10: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Lâm Kiệt, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	5.967.652.000	
22	Tiểu dự án 11: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng	6.576.806.000	
23	Tiểu dự án 12: Nâng cấp công trình giao thông phục vụ phát triển lúa gạo bền vững trên địa bàn xã Trinh Phú, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Dự án VnSAT)	Ủy ban nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	5.761.613.000	
24	Xây lắp cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan thuộc dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT), tỉnh Sóc Trăng	Chi Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Sóc Trăng	2.953.110.949	
		Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng	1.049.792.920	
25	Chi phí ngoài hoạt động xây dựng cơ bản	Ban Quản lý dự án VnSAT	161.797.743	61.686.182
		Chi Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Sóc Trăng	1.661.497.385	526.424.379
		Trung tâm Khuyến nông tỉnh Sóc Trăng	1.713.307.129	198.046.814
		Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh Sóc Trăng	3.083.569.743	289.251.625

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trung tâm Giống Nông nghiệp, Ban Quản lý dự án VnSAT, Trung tâm Khuyến nông; Ủy ban nhân dân các huyện: Kế Sách, Mỹ Tú, Châu Thành, Thạnh Trị, Long Phú, Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Trang TTĐT VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam